

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1843 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 5 năm 2016

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình nhà văn hóa thôn Kỳ Thượng, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh thuộc dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng ngập hồ Yên Mỹ, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa**

### **CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 08/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng ngập hồ Yên Mỹ, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt giao kế hoạch chi tiết cho các dự án từ nguồn vốn các chương trình mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ và vốn nước ngoài (ODA) năm 2016;

Xét đề nghị của Chi cục Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 08/TTr-CCPTNT ngày 08/3/2016 (kèm theo hồ sơ) và Tờ trình số 2248/SXD-HĐXD ngày 11/5/2016 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình nhà văn hóa thôn Kỳ Thượng, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh thuộc dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng ngập hồ Yên Mỹ, huyện Tĩnh Gia,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình nhà văn hóa thôn Kỳ Thượng, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh thuộc dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng ngập hồ Yên Mỹ, huyện Tĩnh Gia, với những nội dung chính sau:

**1. Tên công trình:** Nhà văn hóa thôn Kỳ Thượng, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh thuộc dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng ngập hồ Yên Mỹ, huyện Tĩnh Gia.

**2. Nội dung đầu tư:** Nhà văn hóa; cổng, sân, đường và tường rào xung quanh.

### 3. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

3.1. Hạng mục nhà văn hóa: Diện tích xây dựng 137,64 m<sup>2</sup>.

Công trình có quy mô 1 tầng, mặt bằng có kích thước (15,3x7,5) m. Chiều cao từ nền đến trần là 3,8 m. Chiều cao công trình là 5,65 m (tính từ cos sân hoàn thiện đến đỉnh mái). Cốt nền nhà là cos 0.00, cao hơn so với cốt sân hoàn thiện là 0,4 m.

Mặt bằng nhà bố trí 2 phòng, hành lang trước nhà rộng 1,8 m.

Tường xây gạch dày 220 mm vữa xi măng (VXM) mác 50. Trát tường trong nhà VXM mác 75; trát trần, gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà VXM mác 75. Tường trong và ngoài nhà quét sơn màu vàng. Nền nhà lát gạch ceramic kích thước (400x400) mm. Bậc tam cấp xây gạch đặc, trát VXM mác 75.

Hệ thống cửa sử dụng cửa khung nhựa u.PVC lõi thép panô kính dày 5 mm, hoa sắt cửa sổ dùng sắt vuông (14x14) mm.

Mái công trình dựng vì kèo thép hình, gác xà gỗ thép U80x40x3 mm, lợp tôn múi màu đỏ dày 0,4 mm, mái hiên hành lang đổ sàn bê tông cốt thép (BTCT) tại chỗ.

Kết cấu móng sử dụng giải pháp móng xây đá hộc VXM mác 75, giằng móng BTCT tiết diện (220x300) mm.

Kết cấu phần thân sử dụng hệ tường xây gạch chịu lực. Giằng tường, dầm, sàn hành lang đổ BTCT tại chỗ. Sàn BTCT mác 200 đá (1x2) cm dày 100 mm.

Nguồn điện cấp đến công trình được lấy từ mạng lưới điện khu vực bằng dây dẫn Cu/PVC 2x16mm<sup>2</sup>. Dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x2,5mm<sup>2</sup>, Cu/PVC 2x1,5mm<sup>2</sup>. Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống nhựa D15 mm đi ngầm trong tường.

Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét  $\phi$ 16 mm dài 0,5m, dây dẫn sét thép  $\phi$ 10 mm. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6 mm dài 1,5 m, dây tiếp địa thép (40x4) mm.

Phòng cháy chữa cháy cho công trình bằng bình bột chữa cháy đựng trong hộp chữa cháy đặt bên trong nhà văn hóa.

3.2. Hạng mục cổng, sân, đường và tường rào xung quanh:

- Cổng: Rộng 4,5 m gồm 2 cánh cổng bằng khung thép hộp (40x80) mm, thép tấm dày 2 mm và thép vuông (14x14) mm sơn 1 nước chống rỉ 2 nước màu. Cánh cổng đóng mở bằng bản lề bắt vào trụ cổng và bánh xe cao su lõi thép d = 70 mm. Trụ cổng cao 2,03 m tiết diện (450x450) mm xây gạch VXM mác 50, trát VXM mác 75.

- Tường rào xung quanh: Cao 1,8 m xây gạch bê tông rỗng VXM mác 50, trát VXM mác 75, quét vôi ve màu vàng. Trụ tường kích thước (220x220) mm, khoảng cách giữa các trụ tường 3 m. Móng tường rào xây đá hộc VXM mác 50.

- Sân, đường: San lấp toàn bộ mặt bằng khu đất, cao độ san nền +50.00 m. Sân đổ bê tông mác 200 dày 5 cm trên lớp nilon tái sinh và lớp cát đệm hạt mịn

tạo phẳng dày 5 cm, lớp đất tự nhiên. Bố trí khe co giãn theo ô lưới 5x5 m. Cấu tạo khe co giãn là 2 lớp giấy dầu tấm 3 lớp nhựa đường. Xung quanh sân xây tường bao bằng gạch không nung VXM mác 50, trát VXM mác 75 dày 1,5 cm.

4. **Địa điểm xây dựng:** Thôn Kỳ Thượng, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh.

5. **Diện tích sử dụng đất:** Khoảng 2.324 m<sup>2</sup>.

6. **Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.

7. **Dự toán:** 968,0 triệu đồng:

*Trong đó:*

|                          |       |             |
|--------------------------|-------|-------------|
| - Chi phí xây dựng:      | 772,2 | triệu đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 19,5  | triệu đồng; |
| - Chi phí tư vấn ĐTXD:   | 68,2  | triệu đồng; |
| - Chi phí khác:          | 62,0  | triệu đồng; |
| - Chi phí dự phòng:      | 46,1  | triệu đồng. |

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

8. **Nguồn vốn:** Ngân sách nhà nước do Trung ương hỗ trợ và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

9. **Thời gian thực hiện:** Năm 2016.

**Điều 2.** Chủ đầu tư (Chi cục Phát triển nông thôn) chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức, quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng công trình, tổ chức nghiệm thu khối lượng theo thực tế và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình được duyệt; thanh quyết toán công trình theo đúng quy định hiện hành.

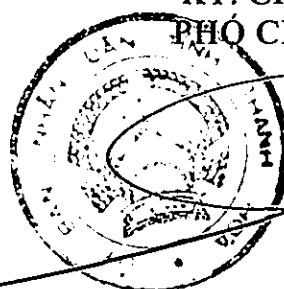
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

## PHỤ BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

Công trình: Nhà văn hóa thôn Kỳ Thượng, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh thuộc dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng ngập lụt Yên Mỹ, huyện Tĩnh Gia

(Kèm theo Quyết định số: 1843/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Khoản mục chi phí                                                                | Cách tính                                       | Thành tiền |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------|
| I   | CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)                                                           | Chi tiết                                        | 772,2      |
| II  | CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gqlđ)                                                     | $2,524\% \times Gxd$                            | 19,5       |
| III | CHI PHÍ TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG                                                |                                                 | 68,2       |
| 1   | Chi phí lập BCKTKT                                                               | $3,6\% \times Gxd$                              | 27,798     |
| 2   | Chi phí thẩm tra TKBVTC                                                          | Mức tối thiểu                                   | 2,200      |
| 3   | Chi phí thẩm tra dự toán                                                         | Mức tối thiểu                                   | 2,200      |
| 4   | Chi phí lập HSMT và đánh giá HSĐT                                                | $0,337\% \times Gxd$                            | 2,602      |
| 5   | Chi phí giám sát thi công xây dựng                                               | $2,628\% \times Gxd$                            | 20,293     |
| 6   | Chi phí giám sát, đánh giá dự án                                                 | $20\% \times Gqlđ$                              | 3,898      |
| 7   | Chi phí khảo sát địa hình                                                        | KQ số 1820/SXD-BTĐKS<br>ngày 15/4/2016          | 9,190      |
| IV  | CHI PHÍ KHÁC                                                                     |                                                 | 62,0       |
| 1   | Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)                                     | Theo văn bản số 2814/BXD-<br>GĐ ngày 30/12/2013 | 10,000     |
| 2   | Lệ phí thẩm định BCKTKT                                                          | $0,019\% \times TMĐT$                           | 0,183      |
| 3   | Chi phí bảo hiểm công trình                                                      | $0,3\% \times Gxd$                              | 2,317      |
| 4   | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán                                           | $0,95\% \times TMĐT \times 0,5$                 | 4,567      |
| 5   | Chi phí kiểm toán                                                                | $1,6\% \times TMĐT$                             | 16,925     |
| 6   | Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp (theo NĐ 63) | Mức tối thiểu                                   | 1,000      |
| 7   | Chi phí hạng mục chung                                                           | Chi tiết                                        | 27,026     |
| V   | CHI PHÍ DỰ PHÒNG                                                                 | $5\% \times (I+II+III+IV)$                      | 46,1       |
|     | TỔNG CỘNG                                                                        | $I+II+III+IV+V$                                 | 968,0      |